

Bản án số: 56/2017/HSST

Ngày: 05/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Quang Lực

2. Bà Lò Thị Đình

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2017/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh T Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 12/9/1994 tại Điện Biên

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 255, đường Mạc Thị B, phường Quang Tr, thành phố N, tỉnh N

Chỗ ở: Đội 4B, xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ văn hoá: 12/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh

Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Hồng M - Sinh năm: 1967

Con bà: Trần Thị Thanh Th - Sinh năm: 1973

Vợ: Lò Thị D- Sinh năm: 1994 (là bị cáo trong vụ án)

Con: Nguyễn Gia B - Sinh ngày 27/5/2015

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2017 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lò Thị D Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 07/01/1994 tại Điện Biên Đông

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 255, đường Mạc Thị B, phường Quang Tr, thành phố N, tỉnh N

Chỗ ở: Đội 4B, xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ văn hoá: 09/12 phổ thông; Dân tộc: Thái

Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Lò Văn K - Sinh năm: 1967

Con bà: Lò Thị H - Sinh năm: 1969

Chồng: Nguyễn Mạnh T (là bị cáo trong vụ án)

Con: Nguyễn Gia B - Sinh ngày 27/5/2015

Bị cáo tại ngoại do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm: 1985; Trú tại: Tổ dân phố 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Minh H - Sinh năm: 1983; Trú tại: Số nhà 208, tổ 32, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh: Phùng Ngọc T - Sinh năm 1986; Trú tại: Số nhà 64, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền chi tiêu, trong ngày 30/12/2016 và 07/01/2017 Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D (vợ T) đã hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ. Cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Khoảng 16 giờ ngày 30/12/2016 T thuê xe mô tô YAMAHA Sirius màu đỏ đen của anh Phạm Ngọc Th, trú tại tổ dân phố 11, phường M, thành phố Đ sau đó tháo biển kiểm soát cất vào trong cốp xe. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô trên phố D đi từ nhà lên phường N. Khoảng 21 giờ khi đến ngã tư bản Khe Chít, phường N, thành phố Đ, T và D nhìn thấy chị Nguyễn Thị Đ đang điều khiển xe mô tô, vai trái chị Đ có đeo một chiếc túi xách giả da màu đỏ trị giá 30.000 đồng bên trong túi có 400.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân. T và D quan sát thấy không có ai, T điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô của chị Đ, D ngồi sau dùng tay phải chộp lấy quai đeo của túi xách và giật mạnh. Chiếc quai đeo đứt ra, chiếc túi xách bị mắc lại ở xe máy và chị Đ bị ngã ra đường nhưng không gây tH tích. T đã tăng ga chở D bỏ chạy khoảng 3m D đã vớt lại chiếc quai đeo của túi xách vừa cướp giật được rồi cả hai đi về nhà.

Lần 2: Ngày 07/01/2017 T tiếp tục điều khiển xe mô tô trên (không nắp biển kiểm soát) chở D đi từ Đội 4B, xã Th, huyện Đ lên đường Hoàng Văn Thái thuộc phường M, thành phố Đ thì nhìn thấy chị Nguyễn Thị Minh H đang điều khiển xe mô tô có đeo chiếc ví màu xanh ở tay lái bên trái xe mô tô, T và D đã bám theo sau chị H. Khi đi đến ngã tư khu vực sân vận động tỉnh Điện Biên (thuộc tổ 28, phường M, thành phố Đ) chị H thấy tín hiệu đèn đỏ nên dừng lại. T quan sát trên đường không có người qua lại, liền điều khiển xe mô tô áp sát vào xe mô tô của chị H, D ngồi sau dùng tay phải giật chiếc ví màu xanh của chị H rồi T tăng ga chở D nhanh chóng bỏ chạy theo hướng đường Trường Chinh và đi ra đường Võ Nguyên Giáp. Sau đó T chở D vào khu vực tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ kiểm tra chiếc ví đã cướp giật được của chị H thì thấy trong ví có những đồ vật, tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A3 màu vàng đồng kèm theo sim trị giá 3.983.000 đồng; 1.100.000 đồng; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 thẻ ATM mở tại ngân hàng BIDV; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 thẻ học viên, những giấy tờ trên đều mang tên chị H. Sau khi kiểm tra T và D lấy chiếc điện thoại và số tiền 1.100.000 đồng, còn số giấy tờ D bỏ vào ví rồi vút vào vệ đường đi về nhà. Khi đi đến khu vực tổ dân phố 12, phường Th, thành phố Đ, T đã tháo chiếc sim trong điện thoại của chị H vút ở đường. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày T chở D quay lại nơi đã vút chiếc ví và các giấy tờ của chị H, nhặt lại chiếc ví. Sau đó điều khiển xe đến khu vực Hàm Đờ Cát, thuộc tổ dân phố 4, phường Tr, thành phố Đ vút chiếc ví da xuống bãi đất trống, còn mang số giấy tờ của chị H về nhà đốt hết. Số tiền 1.100.000 đồng T và D đã chi tiêu hết. Đến ngày 10/01/2017 T và D mang chiếc điện thoại cướp giật của chị H đến hiệu cầm đồ 56, tại số nhà 457, tổ dân phố 32, phường M, thành phố Đ cầm cố cho anh Phùng Ngọc T được 1.500.000 đồng, cả hai đã chi tiêu hết số tiền này.

Ngày 13/1/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ đã khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại Đội 4B, xã Thanh X, huyện Đ, qua khám xét đã tạm giữ: 01 chiếc áo khoác nam màu xanh đen; 01 đôi giày da nam màu trắng; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng; 01 chiếc áo khoác nữ màu đen trắng; 01 đôi giày da nữ cao cổ màu đen; 01 chiếc quần bò nữ màu xanh và thu giữ của T 01 xe mô tô YAMAHA - Sirius màu đỏ đen cùng biển kiểm soát của xe và 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh.

Ngày 18/4/2017 Nguyễn Thị Đ giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc túi xách giả da màu đỏ T và D đã cướp giật.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc ví và điện thoại trả lại cho chị H và trả chiếc túi xách cho chị Đ. Số tiền 1.100.000 đồng T và D đã tiêu hết và đốt giấy tờ cướp được của chị H, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, người bị hại không yêu cầu bồi thường mà cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định của pháp luật; các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 14/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ xác định (BL số 63, 64): 01 chiếc ví da nữ màu xanh trị giá 455.000 đồng; Chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A3 màu vàng đồng kèm theo sim trị giá 3.983.000 đồng. Tổng số giá trị tài sản trên của chị Nguyễn Thị Minh H là: 4.438.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ xác định (BL số 66, 67): Chiếc túi xách giả da màu đỏ của chị Nguyễn Thị Đ trị giá 30.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên. Tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn nhất trí với kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 26/7/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho những người sau:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Minh H 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A3 màu vàng đồng và 01 chiếc ví da nữ màu xanh;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Đ 01 chiếc túi xách giả da màu đỏ và quai xách tay (đã bị đứt quai đeo).
- Trả lại cho anh Phạm Ngọc Th 01 xe mô tô YAMAHA - Sirius màu đỏ đen cùng biển kiểm soát 27P1- 00825.
- Trả lại cho bị cáo Lò Thị D 01 chiếc áo khoác nam màu xanh đen; 01 đôi giày da nam màu trắng nhãn hiệu ZARA; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng; 01 chiếc áo khoác nữ màu đen trắng; 01 đôi giày da nữ cao cổ màu đen; 01 chiếc quần bò nữ màu xanh; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Mạnh T;

Bản cáo trạng số: 44/QĐ-VKS-HS ngày 10/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố tại bản cáo trạng số: 44/QĐ-VKS-HS ngày 10/8/2017 cụ thể:

Truy tố: Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T từ **03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**;

- Xử phạt bị cáo Lò Thị D từ **03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**;

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá điều tra, tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tại phiên tòa Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Điện Biên Phủ; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét các hành vi như: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T thuê xe mô tô của anh Phạm Ngọc Th để chở D ngồi sau xe T, T và D quan sát thấy không có người đi lại trên đường, T điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô của chị Đ và chị H còn D ngồi sau dùng tay phải giật quai đeo túi xách của chị Đ và ví của chị H (có tổng trị giá là 5.968.000 đồng) rồi T tăng ga chở D nhanh chóng bỏ chạy. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội cả hai lần T và D đều dùng xe mô tô để làm phương tiện cướp giật tài sản của người khác là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba đến mười năm.

d. Dùng thủ đoạn nguy hiểm”

Các hành vi trên của Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D được chứng minh tại: Đơn trình báo của người bị hại; Vật chứng thu giữ là 01 chiếc túi xách giả da màu đỏ và

quai xách tay; 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A3 màu vàng đồng và 01 chiếc ví da nữ màu xanh; Kết luận định giá; Lời khai của người bị hại, người liên quan và của các bị cáo trong quá trình điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, phạm tội có mục đích từ trước, sau khi phạm tội vẫn có mục đích sử dụng tài sản một cách công nhiên, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp và đã hoàn thành cả về hành vi và hậu quả của tội Cướp giật tài sản. Vì vậy hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Nhưng xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc trước khi phạm tội không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do các bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, kinh tế gia đình khó khăn, con còn nhỏ, bản thân các bị cáo không có nghề nghiệp, muốn có tiền để trả nợ và chi tiêu cho gia đình mà không phải mất sức lao động nên đã bất chấp pháp luật dẫn thân vào con đường phạm tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS cho các bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử cho các bị cáo ở mức khởi điểm và cách ly các bị cáo một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

[4] Về vật chứng vụ án:

Ngày 26/7/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho những người sau: Trả lại cho chị Nguyễn Thị Minh H 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A3 màu vàng đồng và 01 chiếc ví da nữ màu xanh; trả lại cho chị Nguyễn Thị D 01 chiếc túi xách giả da màu đỏ và quai xách tay (đã bị đứt quai đeo); trả lại cho anh Phạm Ngọc Th 01 xe mô tô YAMAHA - Sirius màu đỏ đen cùng biển kiểm soát 27P1- 00825; trả lại cho bị cáo Lò Thị D 01 chiếc áo khoác nam màu xanh đen; 01 đôi giày da nam màu

trắng nhãn hiệu ZARA; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng; 01 chiếc áo khoác nỉ nữ màu đen trắng; 01 đôi giày da nữ cao cổ màu đen; 01 chiếc quần bò nữ màu xanh; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Mạnh T. Xét thấy việc trao trả những tài sản trên của cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với số tiền 1.100.000 đồng của chị Nguyễn Thị Minh H các bị cáo đã chi tiêu hết và những giấy tờ cướp được của chị H (bao gồm: 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 thẻ ATM mở tại ngân hàng BIDV; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 thẻ học viên đều mang tên chị H) mà bị cáo D đã đốt và tiêu hủy Cơ quan điều tra không thu giữ được. Do các bị cáo khó khăn về kinh tế nên chị H đã tự nguyện cho các bị cáo số tiền 1.100.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị những giấy tờ trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chiếc quai đeo của xách tay bị đứt của chị Nguyễn Thị Đ, quá trình điều tra không thu giữ được; chị Đ bị ngã và thương tích nhẹ khi bị T và D cướp giật tài sản đến nay đã tự khỏi. Chị Đ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền anh Thắng cho bị cáo thuê xe mô tô từ ngày 30/12/2016 đến ngày 13/01/2017 là: 14 ngày x 180.000 đồng = 2.520.000 đồng, đến nay bị cáo vẫn chưa trả cho anh Thắng, do các bị cáo khó khăn về kinh tế nên anh Thắng cho các bị cáo và không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với số tiền trên. Quá trình điều tra xác định anh Thắng không liên quan đến vụ án vì anh Thắng không biết việc T thuê xe mô tô dùng vào việc phạm tội, nên không đặt vấn đề xử lý đối với anh Thắng.

Đối với Phùng Ngọc T là người đã cầm cố chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A3 màu vàng đồng cho các bị cáo với số tiền 1.500.000 đồng. Quá trình điều tra xác định anh Tuyền không biết điện thoại T và D cầm cố là do phạm tội mà có, nên không đặt vấn đề xử lý đối với anh Tuyền. Anh Tuyền tự nguyện cho các bị cáo và không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với số tiền trên.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D** phạm tội "Cướp giạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh T 36 (ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ từ ngày bắt tạm giam (ngày 15 tháng 01 năm 2017).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lò Thị D 36 (ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo **Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D** mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Áp dụng Điều 231, 234 các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/9/2017). Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án DSTPĐBP;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Công an trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án DSTPĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Công an trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án DSTPĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Công an trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyền

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số: 56/HSST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Phủ, ngày 05 tháng 9 năm 2017

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2017/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh T Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 12/9/1994 tại Điện Biên
Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 255, đường Mạc Thị B, phường Quang Tr, thành phố N, tỉnh N

Chỗ ở: Đội 4B, xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Không

Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Hồng Minh - Sinh năm: 1967

Con bà: Trần Thị Thanh Thủy - Sinh năm: 1973

Vợ: Lò Thị D- Sinh năm: 1994 (là bị cáo trong vụ án)

2. Họ và tên: Lò Thị D Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 07/01/1994 tại Điện Biên Đông
Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 255, đường Mạc Thị B, phường Quang Tr, thành phố N, tỉnh N

Chỗ ở: Đội 4B, xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Không

Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Lò Văn Kha - Sinh năm: 1967

Con bà: Lò Thị Hom - Sinh năm: 1969

Chồng: Nguyễn Mạnh T (là bị cáo trong vụ án)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ TỈNH ĐIỆN BIÊN
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D** phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh T 36 (ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ từ ngày bắt tạm giam (ngày 15 tháng 01 năm 2017).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lò Thị D 36 (ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Tòa án buộc các bị cáo **Nguyễn Mạnh T và Lò Thị D** mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Áp dụng Điều 231, 234 các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/9/2017). Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
Thẩm phán

Vũ Thị Tuyền

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/TB - TA

Điện Biên Phủ, ngày 16 tháng 6 năm 2017

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ

Kính gửi: UBND xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, thành phố

Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017 của
Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Nguyệt** Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 01/6/1988 tại Điện Biên
Nơi ĐKKHKT: Đội 9, xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Nơi tạm trú: Đội 11, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
Nghề nghiệp: Thợ may.
Tiền án, tiền sự: Không;
Con ông: Nguyễn Văn Phung và con bà: Trần Thị Thu Hương;

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ TỈNH ĐIỆN BIÊN ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt **06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 10 tháng 3 năm 2017).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 127, 131 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt phải bồi thường cho anh Đinh Văn Thanh, Địa chỉ: Số nhà 292, tổ dân phố 11, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh Đinh Văn Thanh cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền trên, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc chìa khoá xe mô tô (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2017 giữa Công an thành phố Điện Biên Phủ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 575.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234 bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2017). Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu HSVA.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
Thẩm phán

Vũ Thị Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA